



GIÁO TRÌNH

**CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM
LỚP Ở TRƯỜNG TRUNG
HỌC PHỔ THÔNG**

CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

MỤC TIÊU: Sau khi học xong chương này, sinh viên có khả năng:

**** Về tri thức:***

- Trình bày vị trí, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT
- Phân tích các nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp

**** Về kỹ năng***

- Có kỹ năng thực hiện một số nội dung công tác chủ nhiệm lớp như: tìm hiểu học sinh, thiết kế kế hoạch chủ nhiệm, tổ chức hoạt động tập thể, đánh giá, xếp loại học sinh.
- Vận dụng cách thức tác động tay đôi, tác động song song để giáo dục học sinh
- Giải quyết các tình huống trong công tác chủ nhiệm

**** Về thái độ***

- Sinh viên ý thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác GVCN lớp ở trường THPT. Từ đó, tích cực, chủ động chuẩn bị tri thức, kỹ năng, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động giáo dục nói chung và công tác chủ nhiệm ở trường THPT.

NỘI DUNG

I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM Ở TRƯỜNG THPT

Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông nói chung và trường THPT có vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hệ thống giáo dục của nhà trường. Họ là người thay mặt Hiệu trưởng quản lý, giáo dục toàn diện học sinh một lớp học, là cố vấn cho các hoạt động tự quản của tập thể học sinh, người tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

1.GVCN là người quản lí- giáo dục toàn diện học sinh một lớp học

Quá trình dạy học và giáo dục ở trường THPT được tiến hành với những nội dung toàn diện, phong phú và sâu sắc hơn hẳn các cấp học dưới. Với vị trí là cấp học cuối của

bậc học phổ thông có nhiệm vụ hoàn tất việc trang bị tri thức phổ thông cơ bản, phát triển và hoàn thiện các kỹ năng học tập nhận thức cùng với các kỹ năng xã hội cho học sinh đồng thời đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng, phát triển nhân cách tốt đẹp cho họ, cấp học này đặt ra những yêu cầu cao cho việc quản lý và giáo dục học sinh. Người đứng ra đảm đương công việc quản lý và giáo dục toàn diện học sinh chính là các GVCN.

Quản lý, giáo dục học sinh không chỉ bao gồm việc nắm được những chỉ số quản lý hành chính như: tên, tuổi, số lượng, gia cảnh, xếp loại học tập, đạo đức, địa chỉ... mà còn phải dự báo được xu hướng phát triển nhân cách của học sinh trong lớp để có phương hướng tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp. Quản lý giáo dục học sinh còn cần phải đặc biệt quan tâm đến việc đồng thời quản lý học tập và quản lý sự hình thành, phát triển nhân cách mọi mặt của học sinh. Quản lý, giáo dục toàn diện học sinh bao gồm quản lý, giáo dục cá nhân và tập thể học sinh.

Quản lý và giáo dục học sinh có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: để giáo dục tốt phải quản lý tốt và quản lý tốt giúp cho giáo dục được tốt. Không thể phủ nhận, giáo dục học sinh phải dựa vào kết quả của việc quản lý học sinh. Quản lý chặt chẽ, cụ thể, chi tiết, toàn diện sẽ giúp GVCN đề ra phương hướng, biện pháp tác động trong công tác giáo dục cụ thể, chính xác, và đạt hiệu quả cao.

Để thực hiện chức năng này, người GVCN phải có :

- + Tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học
- + Kỹ năng lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch giáo dục, tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch một cách khoa học
- + Kỹ năng kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh
- + Kỹ năng giao tiếp sư phạm: biết cách tiếp cận, phán đoán học sinh, có khả năng xác lập nhanh chóng, khéo léo, đúng đắn mối quan hệ với học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.

2. GVCN là cố vấn cho các hoạt động tự quản của tập thể học sinh

Đây là chức năng rất đặc trưng của GVCN mà các giáo viên bộ môn không có. “Cố vấn” có nghĩa là GVCN *không trực tiếp* tham gia tổ chức, điều hành công việc của lớp, không làm thay các em trong các hoạt động mà là người định hướng xây dựng kế hoạch

hoạt động của tập thể học sinh, hướng dẫn học sinh xây dựng nội dung, lựa chọn giải pháp, cách thức tổ chức hoạt động để thực hiện thành công kế hoạch đề ra, đáp ứng các mục tiêu phát triển của lớp và mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Chức năng này chỉ có thể được thực hiện tốt khi GVCN biết quan tâm tổ chức, xây dựng đội ngũ tự quản của lớp, thường xuyên bồi dưỡng năng lực của đội ngũ này để tăng cường sức mạnh tự quản của tập thể học sinh.

Để phát huy vai trò cố vấn, GVCN cần có năng lực đánh giá và dự báo chính xác khả năng của học sinh, có khả năng kích thích tiềm năng sáng tạo của các em, lôi cuốn tất cả học sinh tham gia vào các hoạt động của lớp, hướng dẫn học sinh xây dựng kế hoạch giáo dục toàn diện, đồng thời theo dõi, giúp đỡ học sinh thực hiện kế hoạch đó. Lưu ý, cố vấn không có nghĩa là khoán trắng hay đứng ngoài hoạt động của học sinh mà phải cùng hoạt động, kịp thời giúp học sinh tháo gỡ những khó khăn, tranh thủ các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh và tập thể học sinh tiến hành thành công các hoạt động, tạo động lực cho học sinh trong những hoạt động tiếp theo.

3.GVCN lớp là cầu nối giữa tập thể học sinh với các lực lượng giáo dục trong nhà trường

Thực hiện chức năng này, GVCN là người đại diện cho hai phía

** GVCN là người đại diện cho các lực lượng giáo dục của nhà trường*

Ở góc độ này, GVCN là nhà quản lý, nhà sư phạm đại diện cho Hiệu trưởng truyền đạt những chủ trương, yêu cầu, kế hoạch giáo dục của nhà trường đến với học sinh và tập thể học sinh. Bằng phương pháp thuyết phục, sự gương mẫu, kinh nghiệm sư phạm và uy tín của mình, GVCN giúp cho mỗi học sinh và tập thể lớp có trách nhiệm tuân thủ và tự giác thực hiện nghiêm túc những yêu cầu này. GVCN cần gợi ý với lớp về giải pháp, phương hướng thực hiện sao cho vừa đảm bảo yêu cầu chung vừa phù hợp với điều kiện và khả năng của lớp, tránh gây áp lực cho học sinh và chạy theo thành tích.

** GVCN là người đại diện cho học sinh và tập thể học sinh*

Không chỉ là một thành viên của Hội đồng sư phạm, đại diện cho các lực lượng giáo dục của trường, GVCN còn là người đại diện cho quyền lợi của tập thể học sinh. Với vị trí

là người thường xuyên tiếp xúc, gần gũi học sinh, hơn bất cứ ai, GVCN có trách nhiệm lắng nghe, tập hợp các ý kiến, nguyện vọng của học sinh để phản ánh với Ban giám hiệu và các lực lượng giáo dục trong trường, phối hợp với các lực lượng giáo dục trong trường đáp ứng các nguyện vọng này, tạo môi trường và điều kiện cho học sinh học tập và rèn luyện tốt đồng thời luôn quan tâm bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh.

Trong việc thực hiện chức năng này, nhiệm vụ tổ chức phối hợp các lực lượng, thống nhất tác động giáo dục theo một chương trình hành động chung là một nhiệm vụ rất quan trọng của GVCN. Đây là một việc không đơn giản, đòi hỏi GVCN chẳng những phải có trách nhiệm cao, say sưa với nghề, yêu thương học sinh mà còn phải có năng lực thuyết phục, có khả năng thiết lập quan hệ tốt đẹp với các lực lượng giáo dục, biết xây dựng và giữ gìn uy tín, có ý chí vượt khó, không ngại thử thách, đặc biệt trong những trường hợp cần đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh, kiên định thực hiện lý tưởng giáo dục thế hệ trẻ.

4. GVCN là người tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường

Phối hợp các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường (gia đình, các đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư...) trong giáo dục HS là một nguyên tắc giáo dục đồng thời là một trong những nội dung thực hiện xã hội hóa giáo dục. Hiệu quả giáo dục học sinh phụ thuộc không nhỏ vào khả năng phối hợp và phát huy tiềm năng của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường về mọi mặt nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đối với lớp chủ nhiệm.

Dựa vào đặc điểm, điều kiện của nhà trường, lớp, cộng đồng, gia đình học sinh mà GVCN tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục trên.

Trước hết, GVCN cần nhận thức đúng đắn, đầy đủ về tầm quan trọng của việc phối hợp các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường trong công tác giáo dục thế hệ trẻ. GVCN một mặt nắm chắc tình hình lớp chủ nhiệm, mặt khác khai thác triệt để, hợp lý, phát huy mọi tiềm năng của các lực lượng cùng tham gia giáo dục, phát triển nhân cách cho học sinh. Trong đó, GVCN phải xác định giáo dục nhà trường có vai trò định hướng, tạo ra sự thống nhất tác động đến học sinh. Tuy nhiên cần đánh giá đúng vai trò giáo dục gia đình, xem đây là môi trường hạt nhân cơ bản của quá trình hình thành, phát triển nhân cách thế

hệ trẻ. GVCN không chỉ biết cách phối hợp tốt với gia đình học sinh mà còn là người tổ chức bồi dưỡng nhận thức lý luận giáo dục cho các bậc cha mẹ khi cần thiết

II NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP

1. Tìm hiểu học sinh lớp chủ nhiệm

Nhà giáo dục học Usinxki nói: “Muốn giáo dục con người mọi mặt thì phải hiểu con người về mọi mặt”. Công tác chủ nhiệm đòi hỏi phải hiểu học sinh một cách đầy đủ, cụ thể và toàn diện nhằm có thể lựa chọn những tác động sư phạm phù hợp, có khả năng mang lại hiệu quả cao nhất. Thực tiễn giáo dục đã cho thấy nhiều trường hợp thất bại đáng tiếc của các giáo viên thậm chí gây thương tổn nặng nề cho cả hai phía do các thầy cô không hiểu biết đầy đủ về học sinh. Hiểu học sinh còn là điều kiện cần trong việc thiết lập quan hệ giao tiếp thuận lợi giữa GVCN và học sinh, là tiền đề cho việc hình thành tình cảm thầy trò thông hiểu, gắn bó.

1.1 Nội dung tìm hiểu

1.1.1 Tìm hiểu tập thể học sinh

Việc nghiên cứu, tìm hiểu tập thể học sinh giúp GVCN nắm được tình hình mọi mặt của lớp, từ đó có được những căn cứ khách quan để xây dựng kế hoạch chủ nhiệm với những mục tiêu, nội dung và giải pháp phù hợp nhất

Tìm hiểu tập thể học sinh gồm tìm hiểu trình độ phát triển, truyền thống của tập thể, bầu không khí, các mối quan hệ trong tập thể, sự phân hóa các nhóm tự phát, các thủ lĩnh tự phát, một số vấn đề về xu hướng chung của tập thể, mặt mạnh, mặt yếu...

1.1.2 Tìm hiểu cá nhân học sinh

* Tìm hiểu các đặc điểm thể chất của học sinh:

Đặc điểm thể chất của học sinh: bao gồm thể trạng, thể lực, sinh lý lứa tuổi, sức khỏe (khỏe mạnh hay có bệnh tật, vóc dáng bình thường hay có khuyết tật gì không?). Nắm vững những đặc điểm này GVCN sẽ cùng cả lớp giúp học sinh giữ gìn sức khỏe, phát huy ưu thế thể lực nếu có, đồng thời quan tâm, giúp đỡ những học sinh có vấn đề về sức khỏe, thể trạng không bình thường trong phân công công việc, bố trí chỗ ngồi....

* Tìm hiểu đặc điểm tâm lý của học sinh:

GVCN cần nghiên cứu để hiểu học sinh về các đặc điểm tâm lý nổi bật như: năng lực nhận thức, tư duy, khả năng chú ý, quan sát, xu hướng cá nhân, sở thích, nguyện vọng, động cơ học tập, năng lực hoạt động, kiểu khí chất, tính cách và đặc biệt là thói quen hành vi của học sinh.

* Tìm hiểu đặc điểm quan hệ xã hội của học sinh:

Trong các quan hệ xã hội của học sinh cần quan tâm tìm hiểu nhất là quan hệ gia đình và quan hệ bạn bè của học sinh.

Tìm hiểu quan hệ gia đình học sinh bao gồm tìm hiểu thành phần gia đình, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của bố mẹ, quan hệ của các thành viên trong gia đình (sự quan tâm của cha mẹ với con cái, tình cảm, sự giúp đỡ giữa các thành viên trong gia đình...), điều kiện kinh tế, truyền thống, nề nếp gia đình, phương pháp giáo dục của cha mẹ đối với các con.... Tất cả những yếu tố trên đều có ảnh hưởng đến học sinh, trong đó, rất nhiều những trường hợp lệch lạc về tâm lý hay những biến chuyển trạng thái đột ngột, lầm lỗi, nổi loạn ở học sinh có nguyên nhân xuất phát từ gia đình mà nếu không hiểu biết cặn kẽ, GVCN khó mà có thể giúp đỡ học sinh.

Tìm hiểu quan hệ bạn bè của học sinh đặc biệt là quan hệ trong nhóm bạn thân giúp GVCN có được những thông tin quan trọng, cần thiết trong công tác giáo dục học sinh. Trong nhiều trường hợp, đây là nguồn khai thác thông tin chính xác, hiệu quả mà các nguồn thông tin khác không có được nhất là đối với đối tượng giáo dục là học sinh THPT

Ngoài ra, GVCN có thể tìm hiểu thêm quan hệ, cách ứng xử của học sinh với thầy cô giáo, bạn bè trong lớp, trường, với bố mẹ, anh chị em trong gia đình, với hàng xóm trong cộng đồng nơi các em sinh sống, ở nơi công cộng...

Tóm lại tìm hiểu học sinh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác chủ nhiệm. Từ việc tìm hiểu, nắm vững những đặc điểm trên giúp GVCN lựa chọn các biện pháp tác động phù hợp đối với từng học sinh nhằm xây dựng cho các em có tâm hồn trong sáng, phong phú, có năng lực và sức khỏe dồi dào đáp ứng yêu cầu của xã hội ngày càng hiện đại, văn minh.

1.2 Cách thức tìm hiểu

Để tìm hiểu học sinh GVCN có thể tiến hành những cách thức sau:

* Nghiên cứu hồ sơ học sinh: gồm lý lịch, học bạ, sổ liên lạc với gia đình học sinh....

* Trao đổi, trò chuyện với học sinh: đây là cách thức giúp GVCN nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, sở thích, thái độ của học sinh một cách trực tiếp.

* Quan sát có chủ định hoặc ngẫu nhiên học sinh thông qua hoạt động ở lớp học, cộng đồng, gia đình, ngoài đường phố, hoặc thông qua các tình huống tự nhiên hay nhân tạo, nơi mà học sinh có thể bộc lộ thái độ, tình cảm, trình độ, năng lực của bản thân một cách chân thật nhất.

* Trao đổi với GVCN và các giáo viên bộ môn của năm học trước về tình hình chung của lớp cũng như tình hình học tập, rèn luyện của học sinh trong lớp.

* Trao đổi với cha mẹ học sinh để thu thập thông tin về học sinh khi ở gia đình. Việc trao đổi này có thể trực tiếp thông qua các kỳ họp phụ huynh học sinh trong năm học, thăm gia đình học sinh, sổ liên lạc, điện thoại, e-mail...

* Nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh: bài làm, báo tường, nhật ký, các sản phẩm lao động, học tập...

Tóm lại, điều đặc biệt quan trọng đối với GVCN là thông qua các phương pháp nghiên cứu, thu thập được thông tin thật chính xác, đồng thời phân tích được nguyên nhân của các hiện trạng để nhanh chóng tìm ra biện pháp giáo dục. Cần xác định rằng, tìm hiểu nắm vững đối tượng giáo dục không phải là việc làm có thời hạn, chóng vánh trong một, hai ngày, cũng không phải là công việc chỉ được tiến hành trong giai đoạn đầu mới nhận lớp mà phải là công việc thường xuyên, liên tục trong suốt năm học sao cho có thể hiểu học sinh một cách cập nhật, đầy đủ, toàn diện và sâu sắc nhất.

2/ Xây dựng và giáo dục tập thể học sinh lớp chủ nhiệm

2.1 Khái niệm tập thể và tập thể học sinh

2.1.1 Tập thể

Tập thể là một cộng đồng xã hội đặc biệt, là hình thái tổ chức xã hội tập hợp những người có cùng mục đích, có hoạt động chung, có tổ chức chặt chẽ và hệ thống quan hệ phụ thuộc giữa các thành viên. Ở góc độ xã hội, tập thể là một cộng đồng có ý nghĩa xã hội và được xã hội thừa nhận.

Những dấu hiệu cơ bản của một tập thể là tính thống nhất về mục đích và tính tổ chức trong quá trình thực hiện các công việc chung. Mục đích chung của tập thể vừa phù hợp với lợi ích của cá nhân vừa đáp ứng với yêu cầu khách quan của xã hội. Các tính chất này làm cho tập thể khác với một nhóm tự phát.

2.1.2 Tập thể học sinh

Tập thể học sinh là một hình thái tổ chức cộng đồng độc đáo của học sinh, một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ, có nguyên tắc hoạt động nhất định, có chức năng tổ chức, tập hợp, giáo dục học sinh nhằm hướng tới việc thực hiện mục đích giáo dục.

Tập thể học sinh có những đặc trưng chủ yếu sau đây:

- Có mục đích chung: Tập thể học sinh thống nhất các học sinh trong tập thể vào việc cùng nhau thực hiện những mục đích chung có ý nghĩa xã hội. Đó là mục đích học tập, lao động, rèn luyện, trau dồi đạo đức, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau, tích cực chuẩn bị đầy đủ năng lực và phẩm chất để tham gia vào cuộc sống, vào quá trình lao động xã hội.

- Có hoạt động chung: Mục đích của tập thể được thực hiện thông qua các hoạt động chung của các thành viên trong tập thể như: hoạt động học tập, hoạt động lao động, hoạt động xã hội - công ích, hoạt động văn hóa - thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí... phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức, vốn sống, vốn kinh nghiệm và điều kiện học tập, sinh hoạt của số đông học sinh trong tập thể.

- Có hệ thống các quan hệ phức hợp: Trong tập thể, học sinh thực hiện các quan hệ đa dạng như: quan hệ nghĩa vụ - quyền lợi, quan hệ chỉ huy - phục tùng, quan hệ phối hợp, tương tác, quan hệ tình cảm, trách nhiệm...

- Có đội ngũ cán bộ tự quản do tập thể bầu chọn: Đội ngũ tự quản do tập thể bầu chọn có chức năng tổ chức và lãnh đạo tập thể học sinh

Các tổ chức tập thể học sinh trong trường phổ thông gồm: tập thể học sinh toàn trường, tập thể lớp học, các đoàn thể học sinh (Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh)

2.2. Vai trò của tập thể học sinh

Lý luận giáo dục XHCN đặc biệt coi trọng vai trò của tập thể đối với cá nhân. Tập thể mang lại cho cá nhân những quan hệ đa dạng và tốt đẹp, khơi dậy sức mạnh, tiềm

năng của cá nhân, thúc đẩy nhu cầu bộc lộ và tự khẳng định của cá nhân. Trong tập thể, cá nhân có khả năng tìm được những phương tiện và điều kiện phù hợp nhất để phát triển toàn diện và hài hòa nhân cách của mình. Nhờ đó mà mỗi cá nhân sẽ là một nhân cách độc đáo, thể hiện sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng.

Sự phát triển của tập thể và sự phát triển của cá nhân là hai quá trình qui định lẫn nhau. Chỉ có trong tập thể, cá nhân mới có điều kiện phát triển tốt nhất và ngược lại, tập thể sẽ càng trở nên phong phú, giàu sức sống, giàu tiềm năng thông qua sự phát triển của các thành viên. Từng cá nhân trong tập thể, một mặt chịu ảnh hưởng của ý kiến và ý chí của người khác, nhưng ngược lại, cá nhân cũng ảnh hưởng đến người khác. Sự tác động, ảnh hưởng qua lại giữa các cá nhân tạo nên ý chí, quan niệm, tâm trạng, dư luận tập thể... có tác dụng qui định, điều chỉnh hành vi của các thành viên trong tập thể. Nhà sư phạm A.X. Makarenco cho rằng: “Tập thể là một cơ thể xã hội sinh động thể hiện sức mạnh tổng hợp của các thành viên của nó. Sức mạnh của các thành viên một khi đã được liên kết lại một cách có mục đích, có tổ chức thì sẽ tạo ra sức mạnh chung của tập thể mạnh gấp nhiều lần tổng số sức mạnh của các thành viên riêng lẻ, đồng thời có tác dụng làm tăng lên sức mạnh của từng thành viên”

Trong trường phổ thông, tập thể học sinh chính là *môi trường* tâm lý - xã hội trực tiếp ảnh hưởng đến học sinh. Mọi tác động tốt hay xấu, xuất phát từ môi trường xã hội hoặc từ các tác động của nhà trường hay giáo viên đều ảnh hưởng đến học sinh thông qua tập thể của họ. Môi trường tập thể luôn đặt ra các yêu cầu khó khăn, đòi hỏi mỗi cá nhân phải cố gắng nhiều hơn, do đó tạo được động lực phát triển mạnh mẽ cho cá nhân. Mặt khác, nhiều phẩm chất quan trọng của nhân cách như: tinh thần tập thể, tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm, tinh thần hợp tác, năng lực tự ý thức... chỉ có thể hình thành trong môi trường giáo dục tập thể. Đặc biệt, với lứa tuổi học sinh phổ thông, các đặc điểm tâm lý nổi bật và đặc trưng của độ tuổi như nhu cầu tự khẳng định và nhu cầu giao lưu chịu sự chi phối mạnh mẽ từ tập thể mà học sinh tham gia.

Tập thể học sinh còn được xem là một *phương tiện* đặc biệt quan trọng và hiệu quả trong việc giáo dục học sinh. Đó là con đường không thể thiếu được để hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ. Tập thể học sinh tiếp nhận những yêu cầu và chuẩn mực xã hội,

chuyển hóa chúng thành các yêu cầu và chuẩn mực nội bộ của tập thể dưới dạng dư luận tập thể, truyền thống tập thể... Qua đó mà điều chỉnh hành vi ứng xử của các cá nhân học sinh. Các yếu tố của tập thể có tác dụng là phương tiện giáo dục, qui định, kiểm soát, điều chỉnh hành vi của học sinh gồm: truyền thống của tập thể, dư luận tập thể, hệ thống viễn cảnh của tập thể, kỷ luật tập thể, đội ngũ cán bộ lớp, các phân tử tích cực và vai trò lãnh đạo sư phạm của giáo viên chủ nhiệm.

2.3. Các giai đoạn phát triển của tập thể học sinh

a/. Giai đoạn thứ nhất - tập thể chưa hình thành: giai đoạn này được đặc trưng bởi tính tổ chức, kỷ luật rời rạc của học sinh. Trong thực tiễn nhà trường thì phổ thông thì trường hợp những tập thể ở giai đoạn này thường xảy ra ở các lớp đầu cấp một thời gian ngắn sau khi bắt đầu tập hợp.

b/. Giai đoạn thứ hai – tập thể đã hình thành và đang phát triển: giai đoạn này được đặc trưng bởi sự phân hóa của tập thể thành 3 nhóm: nhóm những phân tử tích cực làm hạt nhân nòng cốt trong việc hưởng ứng các yêu cầu từ phía nhà giáo dục, nhóm các thành viên thụ động và nhóm các thành viên chậm tiến, cá biệt. Tập thể đã có các hoạt động chung, các mối quan hệ đã được thiết lập và tập thể đã tự đề ra một số yêu cầu hoạt động... nhưng tình trạng tổ chức, kỷ luật chung vẫn còn yếu.

c/. Giai đoạn thứ ba – tập thể phát triển vững mạnh: đặc trưng cơ bản của giai đoạn này là dư luận tập thể được hình thành và củng cố ngày một vững chắc. Tập thể đã có tổ chức chặt chẽ và kỷ luật tự giác. Công việc của tập thể bắt đầu lôi cuốn được cả lớp, mối quan hệ trong tập thể là hợp tác, đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Yêu cầu giáo dục lúc này đạt được sự chuyển hóa quan trọng từ yêu cầu của giáo viên hoặc của các thành phần cốt cán thành yêu cầu của tập thể. Tập thể ở giai đoạn này chính là một tập thể với đầy đủ ý nghĩa của nó về phương diện giáo dục học. Tác động sư phạm của giáo viên chủ nhiệm nhất thiết phải hướng đến việc xây dựng tập thể học sinh đạt được trình độ phát triển ở giai đoạn này.

2.4. Một số biện pháp cơ bản xây dựng và giáo dục tập thể học sinh

a/. Đề ra những yêu cầu vừa sức, hợp lý cho học sinh

A.X. Makarenco nhấn mạnh: “Không thể có giáo dục nếu không có các yêu cầu”. Yêu cầu là những nhiệm vụ giáo dục, bài tập rèn luyện, mệnh lệnh mà giáo viên chủ nhiệm đặt ra cho học sinh, đòi hỏi học sinh phải thực hiện nhằm giáo dục học sinh và xây dựng tập thể. Những yêu cầu này được xem là công cụ điều khiển, lãnh đạo học sinh, định hướng, điều chỉnh hành vi của họ. Bản chất của việc đưa ra các yêu cầu là tạo ra mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục với khả năng đáp ứng của học sinh, từ đó, kích thích nhu cầu giải quyết mâu thuẫn, tạo ra động lực cho sự phát triển của học sinh.

** Yêu cầu mà GVCN đề ra cần đảm bảo các điều kiện sau:*

- Phù hợp với mục tiêu giáo dục chung và mục đích của tập thể
- Có tính đến đặc điểm, điều kiện, khả năng thực hiện của cá nhân hoặc tập thể học sinh.

- Đạt được sự thống nhất trong tập thể
- Yêu cầu có độ khó tăng dần một cách phù hợp

** Khi đưa ra yêu cầu, giáo viên cần phải:*

- Có thái độ kiên quyết, tự tin, làm cho học sinh thấy được đó là yêu cầu thật sự cần thiết cho quá trình rèn luyện của mình

- Giải thích đầy đủ về ý nghĩa của yêu cầu và việc thực hiện chúng nhằm làm cho học sinh tự giác chấp nhận yêu cầu

- Phân tích, hướng dẫn cách thực thực hiện

- Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, học sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu và hỗ trợ khi cần thiết, không để cho học sinh nghĩ rằng giáo viên chỉ đặt ra yêu cầu theo kiểu “chiếu lệ”, đứt đoạn giữa chừng, làm giảm tác dụng của yêu cầu và việc thực hiện các yêu cầu khác sau đó

- Kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện yêu cầu

- Phân tích kết quả, hướng dẫn học sinh rút kinh nghiệm, khắc phục những sai sót trong quá trình thực hiện yêu cầu

Việc đề ra yêu cầu vừa sức cho học sinh cần được tiến hành thường xuyên, suốt năm học. Nội dung này hết sức cần thiết ở giai đoạn đầu của sự hình thành tập thể hoặc khi giáo viên mới tiếp xúc với tập thể. Mức độ rõ ràng, chặt chẽ, phù hợp và thái độ kiên

quyết của giáo viên khi đặt ra các yêu cầu ngay từ giai đoạn đầu này đặc biệt có ý nghĩa trong việc xây dựng nề nếp, kỷ luật tập thể, hình thành dư luận tập thể và định hướng việc rèn luyện của từng cá nhân.

Để thực hiện tốt nội dung này, giáo viên chủ nhiệm cần lưu ý chuẩn bị thật tốt cho giai đoạn tiếp xúc đầu tiên với học sinh lớp chủ nhiệm. Cần dự kiến trước các yêu cầu cần phải bàn bạc với học sinh và có phương pháp làm việc phù hợp để đạt được sự thống nhất ngay từ những buổi tiếp xúc đầu tiên, đặc biệt là với các yêu cầu cơ bản như: các yêu cầu về tổ chức lớp, xây dựng nề nếp kỷ luật, chuyên cần, các yêu cầu về tinh thần thái độ học tập của học sinh, thái độ đối xử đúng mực trong các mối quan hệ...

b/. Xây dựng đội ngũ cán bộ lớp và bồi dưỡng các phần tử tích cực

Do tác động của những yêu cầu, trong tập thể học sinh diễn ra sự phân hóa về khả năng đáp ứng yêu cầu của học sinh, từ đó xuất hiện những phần tử tích cực. Đó là những học sinh tự giác, quyết tâm thực hiện tốt những yêu cầu do giáo viên chủ nhiệm đặt ra. Giáo viên chủ nhiệm cần kịp thời phát hiện, lựa chọn một cách chính xác những phần tử tích cực và bồi dưỡng thành lực lượng nòng cốt.

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ lớp và bồi dưỡng những phần tử tích cực có vai trò chiến lược trong công tác xây dựng tập thể học sinh. Đó là yếu tố quyết định trong việc chuyển tập thể từ giai đoạn hai sang giai đoạn ba của sự phát triển.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ lớp, giáo viên chủ nhiệm tiến hành những công việc sau:

* *Lựa chọn những phần tử tích cực, phân công vào các chức danh trong đội ngũ cán bộ lớp gồm: lớp trưởng và các lớp phó, tổ trưởng, các cán sự bộ môn và phong trào...* Việc lựa chọn có thể dựa trên cơ sở tham khảo kết quả học tập, rèn luyện trước đó, qua trao đổi, nhận thông tin từ giáo viên chủ nhiệm của các năm học trước hoặc thông qua bầu chọn của học sinh trong lớp. Một số giáo viên chủ nhiệm khuyến khích học sinh tự nhận nhiệm vụ như là một cách kích thích nhu cầu bộc lộ và khẳng định mình, từ đó, tăng cường tinh thần trách nhiệm, sự gắn bó và khả năng sáng tạo của học sinh đối với công việc đã tự lựa chọn và nhận lãnh.

* *Qui định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí trong đội ngũ cán bộ lớp:* việc làm này nhằm đảm bảo cho các cán bộ lớp ý thức sâu sắc về vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của mình để từ đó chủ động hơn trong công việc, tránh tình trạng hiểu biết không đầy đủ dẫn đến ôm đồm, dẫm chân lên nhau hoặc né tránh công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của cả tập thể.

Thông thường, các chức danh cán bộ lớp cần thiết của tập thể học sinh gồm:

+ Lớp trưởng: phụ trách chung các mặt và điều hành bộ máy cán bộ lớp, là người chịu trách nhiệm trước giáo viên chủ nhiệm và tập thể lớp về mọi mặt phát triển của lớp.

+ Lớp phó học tập: theo dõi tình hình học tập của lớp, đề xuất và tổ chức các hoạt động xây dựng tinh thần, thái độ học tập tích cực và nâng cao chất lượng học tập của học sinh

+ Lớp phó kỷ luật: chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện nội qui, xây dựng ý thức kỷ luật của học sinh trong lớp, đề xuất và tiến hành các biện pháp xây dựng và củng cố kỷ luật tập thể

+ Lớp phó phong trào: chịu trách nhiệm theo dõi, đề xuất và tổ chức các hoạt động phong trào như: văn nghệ, thể thao, báo chí, tham quan, cắm trại, giao lưu... nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó trong tập thể và định hướng rèn luyện, phát triển nhân cách cho học sinh

+ Các cán sự bộ môn: hỗ trợ lớp phó học tập trong phạm vi môn học mình phụ trách nhất là trong các hoạt động trau dồi kiến thức môn học và giúp bạn học tốt bộ môn

+ Các tổ trưởng: chịu trách nhiệm quản lý các thành viên trong tổ

* *Làm rõ nội dung công tác của từng cán bộ lớp và hướng dẫn cụ thể về phương pháp công tác.* Trong đó, cần lưu ý hướng dẫn các kỹ năng công tác cơ bản như: cách ghi chép trong sổ công tác, kỹ năng lập kế hoạch hoạt động, kỹ năng điều hành một buổi sinh hoạt lớp, kỹ năng trình bày thuyết phục, vận động, kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể...

* Hướng dẫn cho các cán bộ lớp tổng kết, khái quát kinh nghiệm qua từng thành công hay thất bại trong hoạt động thực tiễn.

* Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của cán bộ lớp, giúp họ khắc phục khó khăn, động viên kịp thời những cố gắng của họ.

* Xây dựng, củng cố và bảo vệ uy tín của cán bộ lớp trước tập thể.

* Không bao che khuyết điểm. Tuyệt đối tránh tạo ra sự đối lập giữa họ với các thành viên trong lớp.

c/. Xây dựng hệ thống viễn cảnh của tập thể

“Sự kích thích chân chính của cuộc sống con người là niềm vui ở ngày mai” (A.X Makarenco). Trong kỹ thuật giáo dục, niềm vui là là một trong những mục tiêu cực kỳ quan trọng. Trước hết, phải tổ chức niềm vui cho trẻ em bằng những kế hoạch hấp dẫn. Sau đó là kiên trì biến những niềm vui đơn giản thành những hình thức khác phức tạp hơn và có giá trị hơn của con người. Đó chính là việc xây dựng hệ thống viễn cảnh của tập thể, bao gồm:

- Viễn cảnh gần: các mục tiêu đơn giản, thời gian thực hiện ngắn. Việc xây dựng viễn cảnh gần phải xuất phát từ nhu cầu cá nhân. Tư tưởng chủ đạo là ngày mai tốt hơn ngày hôm nay. Chiều phim, giao lưu, kết bạn, gặp gỡ thần tượng, hoạt động của các nhóm, các câu lạc bộ, đi tham quan... được tổ chức dưới dạng kế hoạch tập thể là những viễn cảnh gần có thể tạo ra trạng thái mong đợi đầy hứng thú. Tuy nhiên cần nhớ là nếu chỉ xây dựng viễn cảnh trên nguyên tắc thích thú là một sai lầm ấu trĩ. Cần phải hiểu, niềm vui và sự ham thích chỉ là cơ sở ban đầu. Dựa trên những xúc cảm này, nhà giáo dục cần hướng học sinh đến loại thỏa mãn đòi hỏi phải làm việc mới đạt được, những thỏa mãn có giá trị hơn như: để có được buổi biểu diễn văn nghệ trong tuần sau, học sinh phải tập luyện. Từ việc tập luyện, học sinh tiếp cận với âm nhạc, thấy được cái hay, cái đẹp của âm nhạc. Cũng đồng thời qua việc tập luyện, học sinh có được cảm giác thỏa mãn khi tập luyện thành công, cho ra đời những tiết mục vừa ý. Đó chính là sự thỏa mãn với thành quả của lao động, khổ luyện nuôi dưỡng nhu cầu rèn luyện, học tập và lao động của trẻ.

- Viễn cảnh trung bình: là các mục tiêu khó khăn hơn, các dự án đòi hỏi tương đối nhiều thời gian. Viễn cảnh trung bình có tác dụng lôi cuốn sự quan tâm chú ý của học sinh trong một thời gian tương đối dài, buộc các em phải tập trung chuẩn bị trong sự hưng phấn chờ đợi. Ví dụ: đầu tháng 12, giáo viên thông báo cho học sinh kế hoạch cắm trại dành cho toàn thể học sinh của trường vào dịp cuối năm âm lịch. Điều này chắc chắn sẽ

kích thích hứng thú và tạo ra niềm vui, sự phấn khởi cùng với những vận động tích cực của các em chuẩn bị tham gia hoạt động này

- Viễn cảnh xa: các mục tiêu về sự phát triển lâu dài của tập thể và các thành viên gắn với thực tiễn xã hội và tương lai của đất nước. Triển vọng phát triển lâu dài của tập thể lớp học, nhà trường và tương lai đất nước phải luôn biểu hiện như một mục tiêu nghiêm túc và cao cả. Mục tiêu đó, cổ vũ học sinh làm được những việc lớn đòi hỏi nhiều cố gắng và có thể tạo thành một niềm vui sướng thật sự ở họ và hơn nữa là những đam mê cháy bỏng. Ví dụ: viễn cảnh về nghề nghiệp tương lai kích thích hứng thú học tập, đam mê nghiên cứu của học sinh. Để xây dựng viễn cảnh này, cần phải làm cho học sinh thấy, việc làm của họ, cuộc sống của họ là một bộ phận không thể tách rời của cuộc sống nhà trường, cuộc sống xã hội và đất nước. Vì vậy mà họ cần phải có những nỗ lực mạnh mẽ hơn, vươn đến việc thực hiện những khát vọng gắn liền tương lai của mình với tương lai của đất nước và dân tộc.

Công tác tổ chức xây dựng viễn cảnh không quá khó khăn, có thể làm dưới nhiều hình thức khác nhau. Ví dụ: chỉ cần thông báo cho học sinh là hai tuần nữa sẽ có trận đấu bóng giao hữu giữa đội tuyển của trường và một đội trường bạn cũng đủ để kích thích tinh thần lạc quan của các em.

Bản chất của việc xây dựng hệ thống viễn cảnh là tạo ra tâm trạng hưng phấn, tâm thế chờ đợi tích cực hướng đến những niềm vui giản dị, những kế hoạch có ý nghĩa. Hệ thống viễn cảnh được xây dựng dưới dạng kế hoạch tập thể lôi cuốn học sinh đến những hình thức thỏa mãn hứng thú có giá trị, có tác dụng như một động lực kích thích nỗ lực vượt qua khó khăn để đạt đến sự thỏa mãn đó. Với ý nghĩa đó, đời sống tập thể sẽ chan chứa niềm vui – không phải niềm vui giải trí đơn thuần và thỏa mãn chốc lát mà là niềm vui tìm thấy trong công việc và niềm vui của thành công trong tương lai.

d/. Xây dựng kỷ luật tập thể

Các tác động xây dựng tập thể học sinh vững mạnh sẽ vô hiệu nếu không có kỷ luật tập thể. Kỷ luật tập thể biểu hiện qua việc chấp hành những qui định chung, là thói quen quan tâm và tôn trọng của các thành viên đối với các vấn đề tập thể. Kỷ luật không phải là

sự cường bức mà chính là kết quả của quá trình giáo dục ý thức ở học sinh, là kết quả của những cố gắng của tập thể.

Giáo viên chủ nhiệm cần phải cương quyết xác lập kỷ luật và giáo dục ý thức thực hiện kỷ luật cho học sinh. Cần làm cho học sinh hiểu được:

+ Kỷ luật là cần thiết cho tập thể, giúp cho tập thể đạt đến mục đích một cách tốt hơn và nhanh hơn

+ Trong tập thể, kỷ luật tập thể phải được đặt trên quyền lợi cá nhân

+ Tuân theo kỷ luật chính là thái độ văn minh. Kỷ luật đúng nghĩa mang đến sự tự do và an toàn thật sự cho con người

+ Tập thể có kỷ luật là môi trường rèn luyện, phát triển tốt cho các cá nhân

Giáo viên chủ nhiệm cần phải ý thức sâu sắc giá trị của kỷ luật và phải xem đó là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng tập thể và giáo dục học sinh nói chung.

e/. Xây dựng dư luận lành mạnh, tiến bộ trong tập thể

Dư luận tập thể phản ánh những quan niệm, nhận định, đánh giá của tập thể về các vấn đề có liên quan đến sự phát triển của tập thể và cá nhân học sinh. Nó thể hiện ý thức tập thể, phong cách đạo đức và không khí tinh thần của tập thể.

Dư luận tập thể có tác dụng điều khiển và điều chỉnh mạnh mẽ đối với ý thức, thái độ, hành vi của học sinh. Thái độ đánh giá của tập thể, các ý kiến ủng hộ hay phản đối, chấp nhận hay phủ nhận, tôn vinh hay lên án của đa số các thành viên trong tập thể là công cụ quan trọng định hướng và đánh giá hành vi của cá nhân. Vì vậy, việc hình thành dư luận tập thể lành mạnh, tiến bộ là điều kiện quan trọng để củng cố và phát triển tập thể, làm cho tập thể thật sự trở thành phương tiện giáo dục có hiệu quả. Xu hướng và tính chất của dư luận tập thể là một trong những tiêu chí chủ yếu đánh giá trình độ phát triển của tập thể. Đây cũng là một trong những nội dung quan trọng, không thể bỏ qua trong công tác của giáo viên chủ nhiệm.

Trong quá trình xây dựng tập thể, giáo viên chủ nhiệm cần quan tâm hình thành dư luận tập thể về các vấn đề như:

+ Tinh thần, thái độ học tập tích cực, tự giác

+ Ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng của học sinh

+ Đấu tranh với các hành vi sai trái: bỏ học, quay cóp, thiếu trung thực, thiếu trách nhiệm, chia rẽ, mất đoàn kết, bao che khuyết điểm...

+ Sẵn sàng ủng hộ, bảo vệ cái đúng

Bên cạnh đó, giáo viên chủ nhiệm cần kịp thời phát hiện và ngăn chặn dư luận không lành mạnh

Dư luận tập thể được hình thành dần dần, từng bước và được củng cố ngày càng sâu sắc, vững chắc trong quá trình hoạt động, sinh hoạt của tập thể

Dư luận tập thể được hình thành qua các con đường sau đây:

- Qua vai trò của giáo viên chủ nhiệm: Học sinh luôn nhạy cảm trước các vấn đề mà giáo viên chủ nhiệm quan tâm, khuyến khích hoặc không đồng ý, không cho phép. Vì vậy, chính thái độ và xu hướng đánh giá của giáo viên chủ nhiệm là một trong những nguồn tạo dư luận quan trọng.

- Qua hoạt động, sinh hoạt tập thể đặc biệt là các hoạt động hội nghị, hội thảo, các buổi họp lớp, các diễn đàn tập thể (báo tường, tập san, bảng thông tin...). Các hoạt động này tạo cơ hội cho học sinh thể hiện quan điểm, bàn bạc, tranh luận... rất có ý nghĩa trong việc tạo ra dư luận tập thể hướng đến hình thành luồng tư tưởng tích cực, lành mạnh và thống nhất

- Qua các hoạt động tập thể, các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí sôi nổi, thu hút sự quan tâm của tất cả học sinh để các vấn đề tập thể

- Qua phong trào thi đua: định hướng suy nghĩ, cách đánh giá cho học sinh bằng các tiêu chí thi đua, khen thưởng, trách phạt...

- Qua vai trò của cán bộ lớp và những phần tử tích cực: dựa vào vị trí trong tập thể, mức độ ảnh hưởng, khả năng vận động mà thái độ, cách đánh giá của họ có thể ảnh hưởng đến các thành viên khác. Vì vậy, đây cũng là nguồn tạo ra dư luận, định hướng dư luận.

- Qua tác động của nhà trường: nhà trường định hướng dư luận tập thể bằng các chủ trương, phương hướng công tác, các quyết định xử phạt, khen thưởng, cách xử lý, cách thức tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường.

g/. Các biện pháp khác:

Ngoài các biện pháp cơ bản kể trên, công tác xây dựng tập thể học sinh còn đòi hỏi GVCN phải quan tâm các nội dung:

- Xây dựng và củng cố truyền thống tập thể
- Xây dựng quan hệ giao lưu lành mạnh trong tập thể
- Tổ chức các hoạt động tập thể để tập hợp và giáo dục học sinh
- Giáo dục học sinh cá biệt

3. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện

3.1. Giáo dục cơ sở thế giới quan khoa học và phẩm chất đạo đức cho học sinh:

Trong quá trình giáo dục, một công tác lớn được đặt ra là giáo dục cho học sinh cơ sở thế giới quan khoa học và những phẩm chất đạo đức theo mục tiêu giáo dục đã đề ra. Cụ thể là phải hình thành ở học sinh niềm tin đạo đức, ý thức chấp hành luật pháp, động cơ học tập tích cực, thái độ ứng xử đúng đắn, hệ thống xu hướng và tính cách tốt đẹp... Kết quả giáo dục cần đạt được là học sinh tự giác biến những yêu cầu của xã hội thành hành vi và thói quen tương ứng. Vì vậy, việc rèn hành vi và đặc biệt là rèn thói quen đạo đức cho học sinh là không thể thiếu trong công tác giáo dục học sinh mà GVCN là người trực tiếp chịu trách nhiệm trước nhà trường.

Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng và khó khăn này, GVCN cần lưu ý :

- Phối hợp chặt chẽ với các giáo viên giảng dạy để đảm bảo được hiệu quả giáo dục của quá trình dạy và học các môn

- Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác, đặc biệt là với tổ chức Đoàn TNCS trong nhà trường tổ chức nhiều loại hình hoạt động và giao lưu đa dạng, hấp dẫn, thu hút học sinh tham gia. Trong đó, chú trọng hơn đến việc tổ chức các hoạt động chuyên biệt chứa đựng nội dung giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, pháp luật, nhân văn như:

+ Tổ chức thi đua học tập, rèn luyện trong tập thể học sinh (có kiểm tra, đánh giá, tuyên dương, khen thưởng hàng tuần, tháng, học kỳ...)

+ Hoạt động theo chủ đề: ví dụ sinh hoạt chủ đề: “Nhớ ơn thầy, cô giáo”, “Hành trang của người đoàn viên, thanh niên bước vào thế kỷ XXI”, “Học sinh, thanh niên với hiểm họa AIDS”..., các hoạt động kết nghĩa, hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, chào

mừng các sự kiện chính trị xã hội trong nước và quốc tế (căn cứ vào tình hình cụ thể của lớp, trường, địa phương, đất nước thế giới... để chọn chủ đề cho phù hợp)

3.2. Tổ chức các hoạt động học tập

Tổ chức có kế hoạch hoạt động học tập cho học sinh nhằm nâng cao kết quả học tập là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của GVCN. Kết quả hoạt động học tập không những thể hiện ở kết quả nắm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mà còn thể hiện ở kết quả phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, năng lực tư duy sáng tạo ở học sinh. Để nâng cao kết quả hoạt động học tập của học sinh, GVCN cần:

- Đề ra yêu cầu học tập đối với học sinh
- Làm cho học sinh ý thức được nghĩa vụ học tập của mình, xác định động cơ học tập đúng đắn, thái độ học tập trung thực
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi các phương pháp học tập tích cực, phù hợp với bản thân nhằm đạt được kết quả học tập cao nhất
- Lãnh đạo tập thể lớp tổ chức các nhóm học tập, trao đổi kinh nghiệm tự học, thảo luận, thực nghiệm khoa học... để học sinh có thêm điều kiện mở rộng và đào sâu tri thức, nâng cao khả năng thực hành và vận dụng kiến thức vào cuộc sống
- Đặc biệt quan tâm giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn: tìm hiểu nguyên nhân, động viên giúp đỡ học sinh tìm ra cách thức khắc phục yếu kém của bản thân, nâng cao chất lượng học tập
- Quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi, phát huy thế mạnh của học sinh giỏi với tư cách là lực lượng nòng cốt trong việc phát triển hoạt động học tập của cả tập thể

3.3 Tổ chức các hoạt động giáo dục lao động và hướng nghiệp

Căn cứ vào kế hoạch chung của nhà trường và dựa vào tình hình cụ thể của lớp, GVCN cần xây dựng kế hoạch lao động cụ thể để giáo dục học sinh. Cần quan tâm thường xuyên và toàn diện đến tất cả các loại hình lao động như: lao động vệ sinh, làm sạch đẹp trường lớp, lao động sản xuất, lao động công ích...Điều quan trọng là phải tổ chức các hoạt động này một cách có hệ thống, vừa sức với học sinh, đảm bảo vừa có hiệu quả kinh tế vừa có hiệu quả giáo dục cao.

Nền kinh tế thị trường, đặc biệt là công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay đã và đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực. Việc giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT, vì thế càng trở nên cấp thiết, đòi hỏi phải thực hiện những yêu cầu sau:

- Giúp học sinh hiểu rõ nhu cầu nghề nghiệp của xã hội nói chung, của địa phương nói riêng

- Tổ chức cho học sinh thể nghiệm thực tiễn lao động sản xuất của các nghề nghiệp. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp tương lai một cách tự giác, phù hợp với sở thích, chí hướng và khả năng của các em.

- Tạo điều kiện cho học sinh nắm vững cơ sở khoa học và kỹ năng lao động của các nghề. Nhờ vậy, học vấn phổ thông và học vấn kỹ thuật tổng hợp sẽ kết hợp nhuần nhuyễn với nhau và trở thành cơ sở cho học vấn nghề nghiệp, giúp học sinh có khả năng thích ứng được với những đòi hỏi của hoạt động lao động sản xuất, hoạt động nghề nghiệp trong tương lai

- Giúp học sinh xác định rõ các tiêu chí lựa chọn nghề nghiệp tương lai: chọn nghề phù hợp với sở thích, chí hướng, khả năng của bản thân và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Hướng dẫn, giúp đỡ học sinh lớp cuối cấp chọn được nghề thích hợp trên cơ sở các tiêu chí đã xác định

3.4 Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí

Bên cạnh hoạt động học tập, GVCN còn phải quan tâm tổ chức cho học sinh vui chơi, giải trí, rèn luyện thể lực, bảo vệ sức khỏe nhằm giúp học sinh mở mang trí tuệ, phát triển thể chất, tăng cường sức khỏe, sáng khoái tinh thần nhằm bảo đảm thực hiện yêu cầu phát triển toàn diện cho học sinh đồng thời tạo ra những điều kiện thuận lợi để học tập, rèn luyện và tu dưỡng tốt. GVCN có thể dựa vào các tổ chức đoàn thể, nhất là tổ chức Đoàn TNCS của trường kết hợp với việc phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ lớp tổ chức các hoạt động trò chơi, thi đấu thể thao, biểu diễn, giao lưu văn nghệ, tham quan, du lịch, tham dự các lễ hội truyền thống văn hóa của trường, của địa phương... Thông qua các hoạt động này, GVCN cần quan tâm giáo dục học sinh ý thức giữ vệ sinh chung, bảo vệ

sức khỏe, phòng chống bệnh tật, nhất là các bệnh học đường, hiểm họa AIDS, tích cực bảo vệ môi trường...

4. Liên kết với các lực lượng GD trong và ngoài trường để giáo dục học sinh

4.1 Phối hợp các lực lượng trong trường

*** Phối hợp và giúp đỡ tổ chức Đoàn TNCS thực hiện các mục tiêu giáo dục**

GVCN cần quan tâm đến công tác chi đoàn, xem tổ chức Đoàn là lực lượng nòng cốt hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong việc giáo dục học sinh. Từ đó, GVCN luôn quan tâm tìm kiếm các giải pháp phối hợp, giúp đỡ để tổ chức Đoàn phát huy tối đa sức mạnh của mình như: giúp đỡ chi đoàn xây dựng kế hoạch công tác, bồi dưỡng cán bộ nòng cốt, cố vấn cho đoàn tổ chức các hoạt động giáo dục... Điều đặc biệt quan trọng trong công tác này là GVCN phải tôn trọng tính độc lập, tính tự quản của tổ chức Đoàn, tuyệt đối không được xem nhẹ, áp đặt, gây mâu thuẫn giữa hoạt động của lớp và hoạt động của chi đoàn, cản trở sự phát triển toàn diện của tập thể học sinh.

*** Phối hợp với các giáo viên bộ môn**

GVCN cùng với các giáo viên phụ trách các bộ môn của lớp hợp thành tập thể sư phạm có tác động chủ đạo đến quá trình giáo dục học sinh. Thực tiễn đã chứng minh rằng hiệu quả giáo dục học sinh trong lớp phụ thuộc một phần quan trọng vào hoạt động và phẩm chất của tập thể này. Nếu tập thể này đạt được sự thống nhất, luôn gương mẫu, đưa ra yêu cầu cao, tôn trọng, yêu mến học sinh thì chắc chắn đạt được những thành công to lớn trong việc giáo dục học sinh. Vì vậy, GVCN phải là hạt nhân tập hợp tất cả các giáo viên bộ môn để cùng với họ thực hiện các tác động sư phạm một cách đồng bộ tới từng học sinh và tập thể học sinh.

Trước hết, GVCN cùng các giáo viên bộ môn thống nhất yêu cầu giáo dục đối với học sinh nhằm định hướng cho các tác động sư phạm của tất cả giáo viên, tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện mục đích giáo dục.

Trên cơ sở thống nhất các yêu cầu, GVCN chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn bằng cách thường xuyên theo dõi thái độ và kết quả học tập từng môn học của học sinh, thăm dò nguyện vọng, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải, phân tích, đánh giá tình hình học tập của học sinh, trao đổi với giáo viên các bộ môn, bàn bạc các

biện pháp cần thiết để nâng cao chất lượng học tập của cá nhân và tập thể học sinh đồng thời không quên tranh thủ sự hỗ trợ của GV bộ môn với các hoạt động học tập của lớp.

Ngoài ra, GVCN cần luôn luôn lắng nghe và sẵn sàng tiếp thu ý kiến của giáo viên bộ môn về tình hình của lớp để có được những thông tin khách quan nhất, cùng với giáo viên bộ môn thực hiện việc liên kết với gia đình học sinh đặc biệt với những học sinh có khó khăn trong việc học tập bộ môn. Giáo viên bộ môn cũng chính là kênh thông tin quan trọng mà GVCN phải tham khảo khi đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

*** Phối hợp với Ban giám hiệu và các lực lượng giáo dục khác trong trường**

GVCN là người thừa lệnh hiệu trưởng quản lý, giáo dục học sinh một lớp. Trên tinh thần đó, GVCN cần:

- Nắm vững kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, căn cứ trên kế hoạch đó để xây dựng kế hoạch giáo dục toàn diện cho học sinh lớp chủ nhiệm
- Thường xuyên báo cáo tình hình lớp, kết quả giáo dục, nguyện vọng của học sinh với Ban giám hiệu trường
- Đề xuất, xin ý kiến về biện pháp giáo dục học sinh
- Phối hợp với các lực lượng khác như: bảo vệ, thư viện, y tế, đặc biệt là các tổ chức đoàn thể và bộ phận giám thị... để giáo dục học sinh. GVCN cần phản ánh nguyện vọng của học sinh, đề xuất yêu cầu và đề nghị các lực lượng này cùng phối hợp tác động tới học sinh, hỗ trợ các hoạt động của lớp khi cần thiết.

4.2 Liên kết các lực lượng GD ngoài nhà trường

*** Liên kết với gia đình học sinh**

Gia đình là trường học đầu tiên của đứa trẻ. Ảnh hưởng giáo dục của gia đình, trước hết là ảnh hưởng của cha mẹ, có ảnh hưởng sâu sắc đến đứa trẻ với tư cách là nơi đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Tác động của gia đình không chỉ là những tác động đầu tiên mà còn là những một trong những tác động trực tiếp, thường xuyên, liên tục và mạnh mẽ nhất. Vì vậy, gia đình đã trở thành một bộ phận hữu cơ trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Vấn đề đặt ra là: nhà trường phải kết hợp với gia đình như thế nào và ai là người chủ trì sự kết hợp này? Không ai khác hơn, đó chính là các GVCN.

GVCN trước hết, cần xác định rõ mục đích phối hợp là nhằm đạt đến sự thống nhất hết sức cần thiết giữa gia đình và nhà trường để tăng cường chất lượng giáo dục học sinh. Một số GVCN chưa xác định đúng mục đích này thường xem việc liên lạc với phụ huynh như là một biện pháp trừng phạt khi học sinh có lỗi hoặc xem việc liên lạc với phụ huynh đơn thuần là để thông tin một chiều về những sai phạm của học sinh trong trường học. Quan điểm và cách làm này đã làm hạn chế rất nhiều hiệu quả phối hợp giữa nhà trường với gia đình học sinh và đương nhiên là làm giảm sút hiệu quả giáo dục.

Hiện nay, tính chất gia đình trong xã hội hiện đại có nhiều chuyển biến quan trọng do những biến chuyển tất yếu của đời sống xã hội. Những thay đổi này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển tâm lý, tinh thần của học sinh. Không ít các gia đình hiện đại đang đứng trước những thách thức nặng nề trong việc xây dựng bầu không khí tốt đẹp và giữ gìn gắn kết giữa các thành viên trong gia đình, nhiều gia đình thất bại trong việc giáo dục con cái, ít nhiều tạo nên gánh nặng cho nhà trường và xã hội nói chung. Vì vậy, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh hiện nay đòi hỏi những nội dung và yêu cầu mới mẻ.

** Về nội dung phối hợp, cần thực hiện các nội dung sau:*

- Làm cho các bậc phụ huynh nắm được mục đích giáo dục nói chung, mục tiêu của từng cấp học nói riêng đồng thời giới thiệu cho họ đặc điểm, yêu cầu, chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học, của trường và lớp nơi con em của họ đang theo học. Từ đó, cùng với phụ huynh thống nhất các mục tiêu và yêu cầu cụ thể cho việc học tập, rèn luyện của con em họ.

- Bàn bạc, thống nhất nội dung, biện pháp, hình thức giáo dục học sinh.

- Định kỳ hoặc thường xuyên thông báo cho gia đình học sinh kết quả học tập, rèn luyện, tu dưỡng của con em họ.

- Tư vấn cho các bậc cha mẹ kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, bồi dưỡng phương pháp giáo dục gia đình cho cha mẹ học sinh

- Đề nghị sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh cho các hoạt động của học sinh hoặc trong việc chăm lo xây dựng cơ sở vật chất của lớp và trường nhằm phục vụ cho việc giáo dục học sinh được thuận lợi, hiệu quả

** Về cách thức phối hợp :*

- Hợp phụ huynh học sinh định kỳ: trước mỗi cuộc họp, GVCN cần có sự chuẩn bị chu đáo về mục đích, nội dung, hình thức cuộc họp. GVCN cần nắm vững chủ trương chung của nhà trường, tình hình học sinh lớp chủ nhiệm để có thể giải thích, trả lời ngay những thắc mắc của phụ huynh, tránh sự hiểu lầm hoặc ứng xử không phù hợp ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường và bản thân GVCN

- Thông qua sổ liên lạc: ghi rõ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cùng với nhận xét, đánh giá của GVCN, đặc biệt là những kiến nghị của GVCN đối với gia đình học sinh trong việc phối hợp giáo dục học sinh. GVCN cần thông báo và yêu cầu phụ huynh có ý kiến phản hồi

- Qua Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Thăm gia đình học sinh: trước khi đến thăm gia đình học sinh, GVCN cần xác định rõ mục đích, nội dung, yêu cầu của cuộc gặp và thông báo đến phụ huynh để phối hợp tốt và tránh những tình huống khó xử có thể xảy ra

- Mời cha mẹ học sinh đến trường để trao đổi trực tiếp và bàn biện pháp giáo dục học sinh

- Trao đổi qua thư từ, điện thoại, email

*** Phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể xã hội**

Thực chất đây là sự phối hợp giữa nhà trường với xã hội nhằm thống nhất các lực lượng giáo dục và thực hiện xã hội hóa giáo dục. Việc phối hợp có thể hướng vào các nội dung sau:

- Tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi, rèn luyện nhằm hình thành, phát triển toàn diện nhân cách học sinh

- Phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội truyền thống, giáo dục lịch sử

- Bảo vệ an ninh trật tự của địa phương

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, tạo mọi điều kiện cho các hoạt động giáo dục học sinh

- Xây dựng mạng lưới cộng tác viên gồm các nhà hoạt động chính trị xã hội, đoàn thể xã hội, cha mẹ học sinh, các tổ chức kinh tế xã hội để giúp đỡ nhà trường

5. Tư vấn

5.1 Tư vấn là gì?

* Tư vấn tâm lý: là những tác động định hướng của chuyên viên tư vấn nhằm giúp đỡ người được tư vấn nhận ra những trở ngại tâm lý của bản thân, từ đó giúp tăng cường khả năng lựa chọn và đưa ra quyết định của người được tư vấn hướng tới giải quyết vấn đề một cách phù hợp.

* Tư vấn học đường: là một bộ phận của tư vấn tâm lý - giáo dục, diễn ra trong môi trường học đường. Cũng như tư vấn tâm lý nói chung, tư vấn học đường là một công việc không đơn giản, đòi hỏi tính nghề nghiệp, khoa học và nghệ thuật. Hiện nay, tư vấn học đường đang trở thành một nhu cầu thật sự cấp thiết trong tình hình học sinh phổ thông, nhất là học sinh THPT đã và đang gặp phải quá nhiều những khó khăn tâm lý, ảnh hưởng nặng nề đến kết quả học tập và sự phát triển nhân cách nói chung.

5.2 Nội dung tư vấn học đường

- * Những vấn đề vướng mắc, khó khăn thuộc lĩnh vực học tập
- * Những vấn đề về mối quan hệ giữa học sinh với thầy cô giáo, với nhà trường; quan hệ giữa cha mẹ và học sinh; quan hệ với bạn bè, bạn khác giới
- * Những vấn đề sinh lý lứa tuổi
- * Định hướng chọn ngành nghề của học sinh lớp cuối cấp, hoặc phân ban của HS lớp

10

5.3 Vai trò của giáo viên chủ nhiệm

Một số trường THPT hiện nay đã có đội ngũ chuyên viên chuyên trách tư vấn học đường. Tuy nhiên, với vai trò là người chịu trách nhiệm trực tiếp về mọi mặt phát triển của học sinh và là người gần gũi nhất với học sinh, GVCN vẫn cần phải quan tâm đến nội dung công tác này. Không ai có thể hiểu học sinh hơn GVCN, vì vậy, những ý kiến tư vấn của GVCN luôn có tác dụng thiết thực, giúp học sinh tìm được chỗ dựa tinh thần, đồng thời có được sự định hướng cần thiết để vượt qua khó khăn.

Để làm tốt công việc này, GVCN cần quan tâm tìm hiểu học sinh, tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tư vấn, đặc biệt rèn luyện khả năng quan sát, nhạy cảm trước những biểu hiện của học sinh.

6. Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp

6.1 Khái niệm và ý nghĩa của kế hoạch chủ nhiệm lớp

Kế hoạch chủ nhiệm lớp là bản thiết kế cụ thể toàn bộ nội dung công tác chủ nhiệm lớp, là chương trình hành động thực thi của lớp trong một giai đoạn cụ thể nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm.

Kế hoạch chủ nhiệm là kết quả sáng tạo của giáo viên chủ nhiệm, phản ánh năng lực thiết kế, năng lực phán đoán, tìm hiểu, nắm bắt và xử lý thông tin của họ. Kế hoạch chủ nhiệm càng khoa học thì khả năng thực hiện càng cao và vì vậy mà bản kế hoạch này có khả năng quyết định to lớn đối với hiệu quả công tác của giáo viên chủ nhiệm.

6.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch chủ nhiệm:

Để đảm bảo có được một kế hoạch hợp lý, khả thi, khoa học, việc xây dựng kế hoạch chủ nhiệm cần căn cứ trên:

- Các mục tiêu, các chương trình hành động chung của ngành và cấp học
- Mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch giáo dục của trường
- Đặc điểm của lớp chủ nhiệm (bao gồm các đặc điểm về truyền thống, tập thể, những mặt khó khăn và thuận lợi cơ bản, hoàn cảnh, điều kiện của số đông học sinh và gia đình học sinh...)
- Mục tiêu, kế hoạch công tác của các tổ chức đoàn thể trong trường học
- Đặc điểm tình hình của địa phương
- Dự báo của giáo viên chủ nhiệm về khả năng phát triển từng mặt của lớp

6.3 Nội dung cơ bản của kế hoạch chủ nhiệm lớp

Kế hoạch công tác chủ nhiệm được xây dựng theo các mức độ: kế hoạch tuần, tháng, học kỳ và năm học. Các mức độ này có những đặc trưng riêng nhưng nhìn chung, các nội dung sau cần phải được thể hiện rõ trong bản kế hoạch:

6.3.1 Đặc điểm, tình hình lớp

Ở nội dung này, giáo viên phân tích những thuận lợi, khó khăn, mặt mạnh, yếu của lớp tại thời điểm xây dựng kế hoạch. Đây là cơ sở xuất phát quan trọng cho việc xác định mục tiêu, xây dựng nội dung và lựa chọn các phương án, biện pháp thực hiện.

6.3.2 Mục tiêu cần đạt

Dựa trên mục tiêu công tác của trường và các yêu cầu giáo dục, cùng với nhận định về đặc điểm tình hình lớp, giáo viên chủ nhiệm xác định các mục tiêu cần đạt bao gồm các nhiệm vụ trọng tâm và các yêu cầu cụ thể về xây dựng tập thể, giáo dục toàn diện, phong trào...

6.3.3 Nội dung công việc

Nội dung công việc bao gồm các nội dung xây dựng tập thể và giáo dục học sinh theo quan điểm giáo dục toàn diện. Nói cách khác, nội dung công tác cần bao quát các mặt giáo dục: giáo dục đạo đức, lao động, thẩm mỹ, thể chất.

6.3.4 Cách thức thực hiện

Lựa chọn cách thức thực hiện là một phần không thể thiếu của một bản kế hoạch nhằm đảm bảo khâu tổ chức thực hiện có thể đạt hiệu quả mong muốn. Việc lựa chọn cách thức thực hiện cần cụ thể, rõ ràng, tính khả thi cao, mô tả đầy đủ các biện pháp, phương tiện, thiết bị hỗ trợ và hình thức tổ chức.

6.3.5 Yêu cầu về thời gian, tiến độ thực hiện

Tính kế hoạch của công việc thể hiện rõ ở nội dung này, vì vậy, đây cũng là nội dung không thể thiếu khi xây dựng kế hoạch. Nội dung công việc và các hoạt động cần được qui định rõ về tiến độ thực hiện đến mức cụ thể nhất.

6.3.6 Phân công người phụ trách

Việc qui định người phụ trách nhằm gắn công việc với trách nhiệm cá nhân, tạo điều kiện cho giáo viên chủ nhiệm dễ dàng theo dõi quá trình và kết quả thực hiện kế hoạch

6.3.7 Theo dõi, bổ sung, điều chỉnh và phân tích kết quả

Giáo viên chủ nhiệm cần theo dõi thường xuyên và tiến hành phân tích kết quả từng bước để có thể điều chỉnh ngay khi cần thiết đồng thời thu thập những thông tin quan trọng cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch những chu kỳ sau

7. Đánh giá kết quả giáo dục toàn diện của học sinh

7.1. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc đánh giá, xếp loại

7.1.1. Đánh giá kết quả giáo dục toàn diện của học sinh là một trong những nội dung quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp. Mục đích đánh giá kết quả giáo dục toàn diện học sinh nhằm:

- Phản ánh kết quả giáo dục học sinh của giáo viên chủ nhiệm và các lực lượng giáo dục
- Giúp cho việc sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại (khen thưởng, trách phạt, kỷ luật, xét điều kiện lên lớp, lưu ban...) đảm bảo chính xác
- Giúp cho giáo viên chủ nhiệm và nhà trường có được những thông tin khách quan về kết quả giáo dục để có sự điều chỉnh hợp lý cho chu kỳ sau
- Giúp học sinh có thông tin để tự đánh giá, tự điều chỉnh. Từ đó, thúc đẩy học sinh nỗ lực học tập, rèn luyện không ngừng tiến bộ.

7.1.2 Việc đánh giá, xếp loại học sinh căn cứ trên:

- Mục tiêu giáo dục của cấp học
- Chương trình kế hoạch giáo dục của cấp học
- Điều lệ nhà trường
- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

7.1.3 Đánh giá, xếp loại học sinh phải bảo đảm nguyên tắc khách quan, chính xác, công bằng, công khai. Tuy không căn cứ trên kết quả xếp loại học lực để đánh giá, xếp loại hạnh kiểm hoặc ngược lại nhưng cần chú ý đến tác động qua lại giữa hạnh kiểm và học lực

7.2 Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

7.2.1 Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và các loại hạnh kiểm:

a/. Đánh giá hạnh kiểm của học sinh phải căn cứ trên những biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi đạo đức, ứng xử trong mối quan hệ với thầy cô giáo, bạn bè và các quan hệ xã hội, ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập, kết quả tham gia các hoạt động lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường, các hoạt động xã hội, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường

b/. Hạnh kiểm được xếp thành 4 loại: tốt, khá, trung bình và yếu. Giáo viên chủ nhiệm xếp loại hạnh kiểm của học sinh vào cuối mỗi học kỳ và cuối năm học . Kết quả xếp loại năm học chủ yếu căn cứ trên kết quả xếp loại học kỳ II.

7.2.2 Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm:

a/. Loại tốt:

- Luôn kính trọng người lớn, thầy cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường, thương yêu, giúp đỡ các em nhỏ tuổi, có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết với các bạn, được các bạn tin yêu

- Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, cố gắng vươn lên trong học tập

- Thực hiện nghiêm túc nội qui của nhà trường, chấp hành tốt luật pháp

- Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường

- Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục qui định trong kế hoạch giáo dục, các hoạt động chính trị xã hội do nhà trường tổ chức, tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, chăm lo giúp đỡ gia đình

b/. Loại khá: thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa đạt đến mức của loại tốt, đôi khi có thiếu sót nhưng sửa chữa ngay khi thầy cô và các bạn góp ý

c/. Loại trung bình: có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các qui định trên nhưng mức độ chưa nghiêm trọng, sau khi được nhắc nhở đã tiếp thu, sửa chữa nhưng mức độ còn chậm

d/. Loại yếu: học sinh phải xếp lại hạnh kiểm yếu nếu có một trong các khuyết điểm

- Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện các qui định trên, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa

- Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường

- Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử

- Xúc phạm nhân phẩm, danh dự của bạn hoặc của người khác, đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong trường và ngoài xã hội

- Đánh bạc, vận chuyên, tàng trữ, sử dụng ma túy, vũ khí, chất nổ, chất độc hại, lưu hành văn hóa phẩm độc hại, đòi truy hoặc tham gia tệ nạn xã hội

7.3 Đánh giá, xếp loại học lực:

7.3.1 Căn cứ đánh giá, xếp loại và các loại học lực

- Học sinh hoàn tất chương trình học theo kế hoạch giáo dục của cấp học được đánh giá, xếp loại học lực dựa trên kết quả của các bài kiểm tra. Học lực được xếp thành 5 loại: giỏi, khá, trung bình, yếu, kém

- Kết quả học lực của học sinh bao gồm điểm trung bình từng môn học và điểm trung bình học kỳ, năm học (điểm trung bình các môn học)

- Giáo viên chủ nhiệm lớp có trách nhiệm tính điểm trung bình học lực từng học kỳ, cả năm học và xếp loại học lực của học sinh theo đúng qui định về tiêu chuẩn xếp loại

7.3.2 Tiêu chuẩn xếp loại học lực học kỳ và năm học:

a/. Loại giỏi: có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Điểm trung bình các môn học từ 8.0 trở lên, trong đó, đối với học sinh chuyên thì điểm môn chuyên từ 8.0 trở lên, học sinh không chuyên có 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 8.0 trở lên

- Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6.5

b/. Loại khá: có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Điểm trung bình các môn học từ 6.5 trở lên, trong đó, với học sinh chuyên thì điểm môn chuyên từ 6.5 trở lên, học sinh không chuyên thì có 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 6.5 trở lên

- Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5.0

c/. Loại trung bình: có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Điểm trung bình các môn học từ 5.0 trở lên, trong đó, với học sinh chuyên thì điểm môn chuyên từ 5.0 trở lên, học sinh không chuyên thì có 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 5.0 trở lên

- Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3.5

d/. Loại yếu: điểm trung bình các môn học từ 3.5 trở lên và không có môn nào điểm trung bình dưới 2.0

e/. Loại kém: các trường hợp còn lại

7.4 Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc đánh giá, xếp loại và sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại học sinh

- Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp, giúp Hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra và cho điểm đúng qui định

- Tính điểm trung bình các môn học từng học kỳ, cả năm học

- Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực từng học kỳ và cả năm học của học sinh.

Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp, học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện về hạnh kiểm trong hè

- Lập danh sách học sinh được khen thưởng cuối học kỳ và cuối năm học

+ Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh

+ Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ và cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong hè

+ Nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh

7.5 Tiến trình đánh giá

- Xác định chuẩn đánh giá, học sinh thảo luận để hiểu và có trách nhiệm tham gia đánh giá và tự đánh giá

- Học sinh tự đánh giá bản thân theo các chỉ tiêu trên phiếu in sẵn, sau đó tự xếp loại đạo đức theo 4 mức: tốt, khá, trung bình, yếu

- Họp tổ học sinh để thông qua bản tự đánh giá. Ý kiến của tổ là nguồn thông tin có giá trị đối với GVCN trong việc xếp loại đạo đức học sinh

- GVCN quyết định và công bố kết quả xếp loại đạo đức của từng học sinh

III. MỘT SỐ CÁCH THỨC TÁC ĐỘNG ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP

Công tác chủ nhiệm lớp đòi hỏi giáo viên có khả năng vận dụng một cách linh hoạt, khéo léo tất cả các phương pháp giáo dục nói chung đồng thời có hiểu biết đầy đủ và có kỹ năng sử dụng tốt các phương pháp tác động đặc thù sau:

1. Phương pháp giáo dục cá nhân:

Phương pháp này còn được gọi là phương pháp giáo dục trực tiếp hay phương pháp giáo dục tay đôi. Đó là sự tác động trực tiếp của nhà giáo dục đến cá nhân học sinh bằng cách chuyên biệt hóa hình thức và mức độ tác động sao cho phù hợp với đối tượng nhận tác động, buộc đối tượng phải chấp nhận các chuẩn mực hành vi đạo đức, thực hiện các yêu cầu của nhà giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Tác động trực tiếp thường mang lại hiệu quả tức thời, gây dấu ấn ngay, tạo ra những chuyển biến nhận thức, tình cảm, thái độ, hành vi của học sinh. Tuy nhiên, hiệu quả tác động phụ thuộc vào mức độ hiểu đối tượng và khả năng phân tích nhạy bén của giáo viên cũng như kỹ năng vận dụng các biện pháp, hình thức tác động phù hợp. Ví dụ cùng một hiện tượng học tập sa sút nhưng GVCN không thể xử lý rập khuôn, máy móc với tất cả học sinh vi phạm mà cần tìm hiểu mức độ, nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện của từng trường hợp để lựa chọn cách tác động phù hợp: nhắc nhở, răn đe, hỗ trợ vật chất, hỗ trợ tinh thần, tác động đến ý thức học tập của học sinh, tác động thay đổi suy nghĩ của phụ huynh hay cần phải tổ chức phụ đạo riêng...

2. Phương pháp tác động song song

Tác động song song là giáo viên không tác động trực tiếp đến từng đối tượng học sinh riêng lẻ mà thông qua các thành viên khác của lớp như: lớp trưởng, tổ trưởng, bí thư chi đoàn, nhóm, tổ hoặc cả lớp... để các thành viên nhắc nhở lẫn nhau, tác động lẫn nhau. Đây là cách thức do nhà giáo dục Xô Viết A.X Makarencô đề xướng với công thức chính là: sự tác động tới cá nhân phải được thực hiện thông qua tập thể mà Makarencô gọi là “đội”. Khi có vấn đề xảy ra, nhà giáo dục chỉ đặt vấn đề với đội, không đặt vấn đề trực tiếp với cá nhân. Ví dụ: trong đội có học sinh đi muộn, nhà giáo dục gọi đội trưởng lên để thông báo sự việc và yêu cầu không để việc đó tiếp tục xảy ra. Sau đó, dưới sự điều hành của đội trưởng, cả đội sẽ đề ra yêu cầu với học sinh đi muộn trên tinh thần: không ai được đi muộn nữa vì một người đi muộn có nghĩa là cả đội đi muộn. Trong trường THPT hiện nay, tập thể có thể là lớp, tổ hay nhóm học tập và GVCN tác động đến học sinh thông qua các tập thể này.

Với cách làm này, tập thể chịu trách nhiệm hoàn toàn về các thành viên và ngược lại, các thành viên có trách nhiệm vì sự phát triển chung của tập thể. Từ đó, có thể thấy rõ bản chất của tác động song song là xây dựng tập thể học sinh thành môi trường giáo dục, dùng quan hệ tốt đẹp trong tập thể và dư luận lành mạnh của tập thể chi phối nhận thức, thái độ, tình cảm, hành vi của cá nhân. Qua dư luận và truyền thống tập thể, vì danh dự của tập thể, mỗi thành viên tự giác điều chỉnh thái độ, hành vi của bản thân

Phương pháp tác động song song chỉ phát huy tốt khi tập thể phát triển ở giai đoạn ba. Vì vậy, một trong những công tác quan trọng của GVCN là quan tâm xây dựng, phát triển tập thể thành môi trường và phương tiện giáo dục hữu hiệu.

3. Bù đắp nỗ lực:

Là phương pháp và nghệ thuật giáo dục tác động vào đối tượng có vấn đề đặc biệt tốt hoặc chưa tốt. Về bản chất, đó là tác động tay đôi được sử dụng với cường độ mạnh, bất ngờ kích thích quá trình hưng phấn hoặc ức chế của hoạt động sinh lý thần kinh dẫn tới thay đổi các quá trình tâm lý, trạng thái, lý tưởng, hành vi của cá nhân.

Phương tiện để bù đắp nỗ lực là ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi thông qua một quyết định của GVCN gây được những xúc cảm mạnh mẽ, tạo nên ấn tượng sâu sắc làm lay động, biến chuyển thật sự nhận thức, hành vi của học sinh.

IV. ĐIỀU KIỆN ĐỂ LÀM TỐT CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP

Chủ nhiệm lớp là công tác quan trọng, không thể thiếu được trong nhà trường phổ thông. Tuy nhiên, đây cũng là công việc nhiều khó khăn, đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc. Để làm tốt công tác này, GVCN cần rèn luyện để có được những năng lực và phẩm chất sau:

1. Về phẩm chất

Nhà giáo dục học lừng danh J.A.Comenxki nói: “Không thể là một người thầy nếu chưa phải là một người cha”. Yêu thương con người và yêu thương trẻ em là một trong những phẩm chất hàng đầu của nghề giáo. Phẩm chất này giúp giáo viên tự giác chấp nhận những thử thách của nghề nghiệp đồng thời luôn có sự tìm tòi, sáng tạo trong công việc với mong muốn mang đến những điều tốt đẹp nhất cho trẻ em nói chung và cho học sinh của mình. GVCN có phẩm chất này sẽ đến với trẻ bằng tất cả tấm lòng, sự chân

thành, thiện chí, thái độ rộng lượng, bao dung, sự tôn trọng tối đa đối với nghề, từ đó, mang lại niềm vui cho trẻ, những người xung quanh và cho chính bản thân.

GVCN phải yêu nghề, say sưa, nhiệt tình, có trách nhiệm cao với công tác giáo dục đồng thời là người có nghị lực, có ý chí vượt khó. Đây cũng chính là những phẩm chất cần thiết để nâng cao uy tín và khả năng lôi cuốn của GVCN. Thực tế cho thấy học sinh luôn đánh giá cao những giáo viên tận tụy, say mê nghề thật sự.

Khiêm tốn học hỏi giúp giáo viên ngày càng nâng cao trình độ nghề, đáp ứng những yêu cầu cao của công việc giáo dục, dạy học nói chung và công tác chủ nhiệm lớp nói riêng.

Giáo viên nói chung, đặc biệt là GVCN luôn là những tấm gương cho học sinh noi theo. Vì vậy, điều hết sức quan trọng là lời nói phải đi đôi với việc làm. GVCN không thể yêu cầu học sinh làm những việc mà mình không làm được, cũng không thể nói với học sinh về những điều mà mình không thật sự nghĩ.

Lối sống giản dị, mẫu mực giúp cho hình ảnh của GVCN gần gũi hơn, làm tăng uy tín và khả năng thuyết phục của họ với học sinh.

2. Về năng lực

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo thế hệ trẻ đầy khó khăn, giáo viên phải có hiểu biết sâu rộng và có năng lực sư phạm. Cụ thể là:

- Có tri thức chắc chắn, sâu sắc về môn học mà mình phụ trách giảng dạy và các môn học có liên quan
- Có trình độ lý luận sư phạm và có kỹ năng vận dụng lý luận sư phạm vào công tác chủ nhiệm lớp một cách khéo léo, linh hoạt
- Có hiểu biết xã hội
- Có năng lực sư phạm bao gồm một số năng lực nổi bật, cần thiết như:
 - + Năng lực giao tiếp: phán đoán đối tượng, tiếp cận đối tượng, thiết lập quan hệ...
 - + Năng lực cảm hóa, thuyết phục, xây dựng uy tín
 - + Năng lực sáng tạo trong công tác giáo dục, dạy học
 - + Năng lực sử dụng ngôn ngữ, giải quyết các tình huống sư phạm.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Anh/ Chị hãy trình bày các chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT
2. Anh/ Chị phân tích nội dung hiểu học sinh lớp chủ nhiệm và minh họa bằng một tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT
3. Anh/ Chị giải thích tại sao xây dựng tập thể học sinh là một nội dung quan trọng trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT và trình bày các biện pháp xây dựng tập thể học sinh
4. Anh/ Chị phân tích ý nghĩa, yêu cầu, nội dung và cách thức phối hợp với gia đình học sinh trong công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT và minh họa bằng một tình huống cụ thể
5. Bằng những hiểu biết về việc lập kế hoạch chủ nhiệm lớp, Anh/ Chị hãy thực hành lập kế hoạch chủ nhiệm tháng cho một lớp trường THPT (tự chọn)
6. Anh/ Chị hãy trình bày điều kiện để làm tốt công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT và trình bày kế hoạch rèn luyện, phấn đấu của bản thân để đáp ứng các yêu cầu trên
7. Một giáo viên tâm sự: “Năm nay, tôi được phân công làm chủ nhiệm một lớp 11 đang trong tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng. Trong lớp thường có hiện tượng gây gổ, công kích, nói xấu lẫn nhau giữa học sinh các nhóm. Tôi đã hết lời khuyên giải và dùng nhiều biện pháp kỷ luật nhưng đến hết học kỳ 1, tình trạng vẫn không cải thiện. Tôi không biết phải làm thế nào”. Anh/Chị hãy giúp giáo viên này giáo dục học sinh trong trường hợp trên
8. Anh/Chị trình bày hiểu biết của mình về cách thức tác động song song và vận dụng cách thức này để giáo dục học sinh trong trường hợp lớp chủ nhiệm của Anh/Chị có một số học sinh nhiều lần bỏ tiết không xin phép.
9. Anh/Chị trình bày đề cương chi tiết nội dung họp phụ huynh học sinh đầu năm học lớp 10
10. Thực hành tổ chức tiết sinh hoạt chủ nhiệm hàng tuần, tổ chức một hoạt động tập thể cho học sinh THPT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.X Makarenco, *Giáo dục trong thực tiễn* (Thiên Giang dịch), NXB trẻ 2002
2. Bộ Giáo dục và đào tạo, Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, ban hành kèm theo quyết định số: 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2. Bùi Thị Mùi, *Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm 2005
3. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học tập 2*, NXB Giáo dục 1998
4. Nguyễn Dục Quang, Lê Thanh Sử, Nguyễn Thị Kỹ, *Những tình huống giáo dục học sinh của người GVCN*, NXB Đại học Quốc gia HN 2000.
5. PGS. PTS Hà Nhật Thăng (chủ biên), *Công tác giáo viên chủ nhiệm ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục 1998.
6. PGS.PTS Hà Nhật Thăng, *Thực hành tổ chức hoạt động Giáo dục*, NXBGD 1998
7. PGS.TS Hà Nhật Thăng, TS. Nguyễn Dục Quang, TS. Nguyễn Trọng Hoàn, *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường PT*, NXBGD 2003.